



## CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI12

Địa chỉ: Số 21, phố Đại Từ, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai - Hà Nội

Điện thoại: 0243.8687781 \* Fax: 0243.8685014 \* Website: [www.licogi12.com](http://www.licogi12.com)

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

## NĂM 2018

HÀ NỘI 2019



**DANH MỤC TÀI LIỆU**  
**HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN**  
**LẦN THỨ 15 NĂM 2019 - CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI12.**

TT	TÊN DANH MỤC	GHI CHÚ
1	Báo cáo thường niên năm 2018 của HĐQT.	
2	Báo cáo kiểm toán độc lập năm 2018	
3	Báo cáo Tài chính năm 2018.	
4	Báo cáo của Ban Kiểm soát Công ty.	
5	Kế hoạch SXKD và Đầu tư năm 2019.	
6	Tờ trình thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2018 của HĐQT.	
7	Tờ trình Thông qua quyết toán tiền lương cho các chức danh thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) chuyên trách, phụ cấp trách nhiệm cho các chức danh thành viên HĐQT không chuyên trách; Tiền lương và phụ cấp trách nhiệm thành viên Ban kiểm soát (BKS) Công ty năm 2018 và Dự trù tổng mức tiền lương cho các chức danh thành viên HĐQT chuyên trách, phụ cấp trách nhiệm cho các chức danh thành viên HĐQT không chuyên trách; Tiền lương và phụ cấp trách nhiệm thành viên BKS Công ty năm 2019	
8	Tờ trình Thông qua Quy chế hoạt động của Người đại diện theo Pháp luật của Công ty	
9	Tờ trình thông qua Lựa chọn đơn vị kiểm toán cho Báo cáo tài chính năm 2019.	

Hà Nội, ngày tháng 04 năm 2019

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI12**  
**Năm báo cáo: 2018**

**I. Thông tin chung:**

**1. Thông tin khái quát:**

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI12.**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100106433
- Vốn điều lệ: 70.000.000.000VNĐ
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 88.574.202.315 VNĐ
- Địa chỉ: Số 21. Phố Đại Từ. Phường Đại kim. Quận Hoàng Mai. Thành Phố Hà Nội. Việt Nam.
- Số điện thoại: 0243.8691534
- Số fax: 0243.8685014
- Website: [WWW.licogi12.com](http://WWW.licogi12.com)
- Mã cổ phiếu: L12

**Quá trình hình thành và phát triển:**

Tiền thân của Công ty cổ phần Licogi 12 là doanh nghiệp nhà nước thành lập ngày 24/2/1981 với tên gọi Xí nghiệp thi công cơ giới số 12 tại Hoà Bình. Nhiệm vụ chính là tham gia thi công các hạng mục chính của nhà máy thủy điện Hoà Bình.

**Năm 1990:** Xí nghiệp thi công cơ giới số 12 đổi tên thành Xí nghiệp Cơ giới và Xây lắp số 12. chuyển trụ sở theo Quyết định số 289BXD-TCLĐ ngày 7/5/1990 của Bộ Xây Dựng và địa bàn hoạt động về Hà Đông - Hà Tây (nay là Hà Nội).

**Năm 1996:** Xí nghiệp Cơ giới và Xây lắp số 12 đổi tên thành Công ty Cơ giới và Xây lắp số 12 theo Quyết định số 01BXD-TCLĐ ngày 2/1/1996 của Bộ Xây Dựng và chuyển trụ sở về Hà Nội.

**Tháng 9/2004:** Theo quyết định số 1523/QĐ-BXD ngày 29/09/2004 của Bộ Xây Dựng. Công ty Cơ giới và Xây lắp số 12 thực hiện quá trình cổ phần hoá. LICOGI 12 là một trong các doanh nghiệp cổ phần hoá đầu tiên của Bộ Xây Dựng.

**Tháng 1/2005:** Công ty chính thức hoạt động theo hình thức công ty cổ phần với tên gọi Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 12 trực thuộc Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng – LICOGI theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103006456 ngày 07/01/2005 do Sở kế hoạch và đầu tư Hà Nội cấp. số vốn điều lệ ban đầu là 11.700.000.000 đồng.

**Tháng 9/2005:** Nhận Giấy chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2000 của QUACERT.

**Tháng 6/2006:** Đổi tên thành Công ty cổ phần LICOGI 12; Tăng vốn điều lệ Công ty từ 11.7 tỷ VNĐ lên 17.0 tỷ VNĐ.

**Tháng 02/2007:** Tăng vốn điều lệ Công ty từ 17.0tỷ VNĐ lên 50.0tỷ VNĐ.

**Tháng 10/2017:** Tăng vốn điều lệ Công ty từ 50.0tỷ VNĐ lên 70.0tỷ VNĐ.

**Tháng 12/2013:** Chuyển Trụ sở chính Công ty từ C1(210), đường Giải Phóng, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam về địa điểm mới số 21, phố Đại Từ, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Ngày 09/12/2016:** Công ty cổ phần LICOGI12 được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán lần đầu số 181/2016/GCNCP-VSD Mã chứng khoán L12; Mệnh giá 10.000 đồng; Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông; Số lượng chứng khoán đăng ký: 5.000.000 cổ phiếu; Giá trị chứng khoán đăng ký: 50.000.000.000 đồng; Hình thức đăng ký: Ghi sổ.

**Ngày 26/12/2016:** Công ty được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ra quyết định số 882/QĐ-SGD chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu.

**Ngày 11/10/2017:** Công ty cổ phần LICOGI12 được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 11/10/2017 số 181/2016/GCNCP-VSD-1 Mã chứng khoán L12; Mệnh giá 10.000 đồng; Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông; Số lượng chứng khoán đăng ký: 7.000.000 cổ phiếu; Giá trị chứng khoán đăng ký: 70.000.000.000 đồng; Hình thức đăng ký: Ghi sổ

Trải qua hơn 37 năm xây dựng và phát triển, Công ty cổ phần LICOGI 12 tự hào đã đóng góp một phần công sức của mình trong những công trình trọng điểm quốc gia, góp phần làm thay đổi diện mạo đất nước trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế.

**Hiện tại.** Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100106433 đăng ký thay đổi lần 10 ngày 06 tháng 11 năm 2018 (đổi từ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0103006456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07/01/2005), với số vốn điều lệ 70 tỷ đồng.

## **2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:**

<b>STT</b>	<b>Tên ngành</b>	<b>Mã ngành</b>
1	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: - Cho thuê xe ô tô;	7710
2	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
3	Khai thác và thu gom than non	0520
4	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: - Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà ở, hạ tầng khu đô thị, hạ tầng khu công nghiệp;	6810
5	Khai thác và thu gom than cứng	0510
6	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Chi tiết: Khai thác vật liệu xây dựng	0810
7	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao.	2394
8	Khai thác quặng sắt Chi tiết: Kinh doanh, khai thác chế biến khoáng sản: Kim loại màu, kim loại đen và phi kim loại (trừ các loại khoáng sản Nhà Nước cấm)	0710
9	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Đầu tư kinh doanh dịch vụ khách sạn, khu du lịch, vui chơi giải trí.	5510

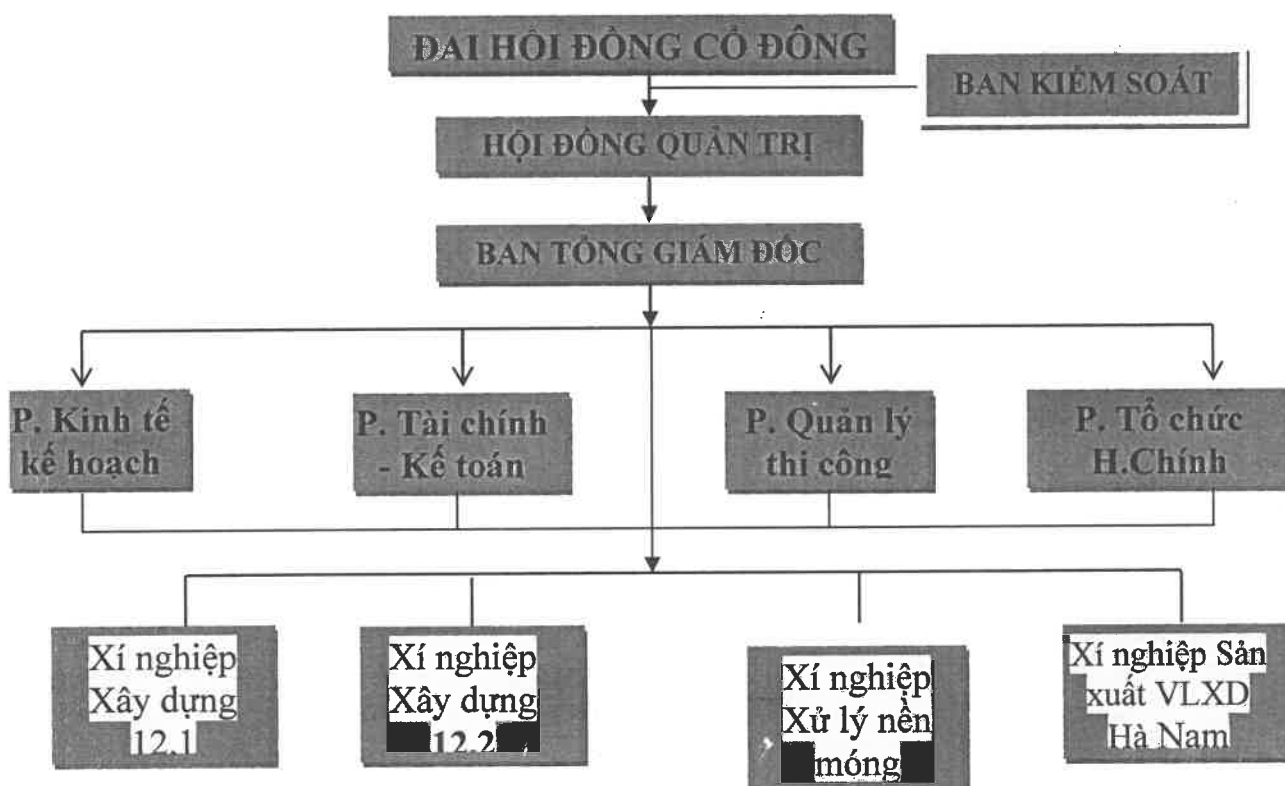
10	<p>Chuẩn bị mặt bằng (không bao gồm dò mìn, nổ mìn và hoạt động khác tương tự tại mặt bằng xây dựng)</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xử lý nền móng bằng phương tiện Cơ giới (Khoan nhồi, đóng cọc bê tông cốt thép, ván thép, ống thép các loại, cọc Baretter);</li> <li>- Vận chuyển, san lấp nền móng các loại Công trình xây dựng bằng phương tiện cơ giới xây dựng.</li> </ul>	4312
11	<p>Sản xuất các cấu kiện kim loại</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản xuất sản phẩm cơ khí, kết cấu thép, vật tư và thiết bị xây dựng, sản xuất cầu trục và thiết bị nâng;</li> </ul>	2511
12	<p>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kinh doanh sản phẩm cơ khí, kết cấu thép, vật tư và thiết bị xây dựng, sản xuất cầu trục và thiết bị nâng;</li> </ul>	4659
13	<p>Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kinh doanh vật liệu xây dựng (đá xây dựng, bê tông thương phẩm, cấu kiện bê tông đúc sẵn);</li> </ul>	4663
14	<p>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xuất nhập khẩu thiết bị, vật liệu xây dựng; cơ sở cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn bằng chế phẩm.</li> <li>- Thi công phòng chống mối cho các công trình.</li> </ul>	8299
15	<p>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thí nghiệm vật liệu xây dựng, khảo sát địa chất công trình;</li> <li>- Tư vấn thiết kế (thiết kế kiến trúc công trình với chức danh kiến trúc sư chủ nhiệm đồ án; Thiết kế công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế hạ tầng kỹ thuật đô thị; Thiết kế quy hoạch khu đô thị và nông thôn; Thiết kế nội, ngoại thất công trình; Thiết kế kết cấu: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp), giám sát các công trình xây dựng;</li> </ul>	7110
16	<p>Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng</li> </ul>	7730
17	<p>Vận tải hàng hóa bằng đường bộ</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng.</li> <li>- Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng)</li> <li>- Vận tải hàng hóa bằng phương tiện đường bộ khác</li> </ul>	4933
18	<p>Xây dựng công trình kỹ thuật khác</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng hệ thống thiết bị công nghiệp, kinh doanh xăng dầu mỡ;</li> <li>- Xây dựng các công trình thủy điện nhiệt điện, xây lắp đường dây và trạm biến thế điện, hệ thống điện, điện lạnh, hệ thống thông tin liên lạc;</li> <li>- Xây dựng các công trình thủy lợi (đê, đập, hồ chứa nước, hệ thống tưới tiêu, ống dẫn trạm bơm);</li> <li>- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông (cầu đường bộ, sân bay, bến cảng, đường hầm);</li> <li>- Đầu tư xây dựng nhà máy thủy điện, nhiệt điện và kinh doanh điện thương phẩm.</li> </ul>	4299(Chính)
19	<p>Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao</p> <p>Chi tiết:</p>	2395

	- Sản xuất, chế biến vật liệu xây dựng (đá xây dựng, bê tông thương phẩm, cấu kiện bê tông đúc sẵn);	
20	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Quản lý vận hành nhà chung cư	6820
21	Lắp đặt hệ thống điện Chi tiết- Thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy - Lắp ráp phương tiện, thiết bị phòng cháy chữa cháy	4321

- Địa bàn kinh doanh: Khắp cả nước.

### 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý:



- Bộ máy quản lý:

+ **Đại hội đồng cổ đông:** Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty.

+ **Hội đồng quản trị:** Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định và thực hiện các quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Chức năng, quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị được quy định cụ thể tại Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Licogi 12.

+ **Ban Kiểm soát:** Chức năng, quyền hạn và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát được quy định cụ thể tại Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Licogi 12.

+ **Ban Tổng Giám đốc:** Công ty ban hành hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của HĐQT. Công ty có một Tổng Giám đốc điều hành và một số Phó Tổng Giám đốc hành điều hành và một Kế toán trưởng do HĐQT bổ nhiệm.

Chức năng, quyền hạn và nhiệm vụ của Ban Tổng Giám đốc được quy định cụ thể tại Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Licogi 12.

**+ Các phòng nghiệp vụ:**

\* **Phòng Tổ chức Hành Chính:** Là phòng nghiệp vụ dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Tổng giám đốc Công ty. Có chức năng tham mưu cho Tổng giám đốc và tổ chức thực hiện công tác tổ chức quản trị nhân sự theo sự chỉ đạo của Tổng giám đốc Công ty.

\* **Phòng Kinh tế kế hoạch:** Tham mưu cho Tổng giám đốc Công ty trong lĩnh vực kinh tế, kế hoạch. Lập kế hoạch tháng, quý, năm trình lãnh đạo Công ty phê duyệt. Xây dựng định mức chi phí và theo dõi hồ sơ thanh quyết toán cho các công trình. Tìm hiểu thị trường, tham gia cung ứng vật tư phục vụ cho các công trường. Cùng lãnh đạo Công ty phân tích đánh giá khả năng thắng thầu để mua và lập hồ sơ dự thầu các công trình. Tham gia thương thảo và ký kết các hợp đồng.

\* **Phòng Tài chính kế toán:** Có chức năng tham mưu cho Tổng giám đốc Công ty trong lĩnh vực quản lý tài chính kế toán của toàn doanh nghiệp.

\* **Phòng Quản lý thi công:** Là phòng nghiệp vụ có chức năng tham mưu cho Tổng giám đốc Công ty trong lĩnh vực tổ chức thi công các công trình, quản lý máy móc thiết bị; quản lý vật tư, xây dựng và tổ chức quản lý công tác an toàn lao động vệ sinh môi trường và phòng chống cháy nổ.

\* **Các XN; Đội SX:** Thực hiện sản xuất thi công theo kế hoạch do Công ty đề ra.

**- Các công ty con, công ty liên kết:**

*Đơn vị tính: đồng*

STT	Tên Doanh nghiệp	Địa chỉ trụ sở chính	Vốn điều lệ	Giá trị đầu tư của L12	Tỷ lệ sở hữu của L12	Tỷ lệ biểu quyết của L12	Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu
1	CTCP Licogi 12.6	KCN nhỏ và vừa Phú Thụy- Gia Lâm- Hà Nội	5.000.000.000	1.500.000.000	30%	30%	Gia công, chế tạo các sản phẩm cơ khí, các sản phẩm máy móc thiết bị xây dựng
2	CTCP Licogi 12.1	Số 21 Phố Đại Từ- Đại Kim- Hoàng Mai- Hà Nội	85.868.900.000	30.100.000.000 (Bao gồm cả giá trị thương hiệu)	35.053%	35.053%	Sản xuất, chế biến kinh doanh vật liệu xây dựng (Bê tông thương phẩm, cấu kiện bê tông đúc sẵn, đá xây dựng...)

3	Công ty Cổ phần Licogi 12-CIC	Nhà C1. Số 210 đường Giải Phóng. Phường Phương Liệt. Quận Thanh Xuân. Thành Phố Hà nội. Việt Nam	10.000.000.000	500.000.000 (Bao gồm cả giá trị thương hiệu)	5%	5%	Xây dựng Các Công trình dân dụng
---	-------------------------------	--	----------------	---	----	----	----------------------------------

#### 4. Định hướng phát triển.

##### - Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.

+ Tập trung nguồn lực hiện có để phát huy lợi thế phát triển các ngành nghề: thi công cơ giới và xử lý nền móng. Mở rộng tìm kiếm việc làm ngoài nghề truyền thống của công ty như xây dựng dân dụng và công nghiệp, hướng tới các dự án lớn như các dự án BOT, BT trong lĩnh vực giao thông xây dựng. hạ tầng.

+ Xây dựng lực lượng CBCNV ổn định tư tưởng. hoàn thiện tổ chức. đổi mới doanh nghiệp. hoạt động một cách hiệu quả.

+ Giữ vững vị trí. thương hiệu. khả năng cạnh tranh trên các lĩnh vực: Xử lý nền móng. xây dựng hạ tầng. thi công cơ giới. gia công cơ khí. Phần đầu đạt và vượt kế hoạch doanh thu. lợi nhuận. hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước và cấp trên.

##### - Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

Căn cứ tình hình thị trường xây dựng trong năm 2018 và những năm tới. Công ty xác định tập trung vào 02 mảng chính là xử lý nền móng, xây dựng dân dụng và công nghiệp. Đây là những lĩnh vực truyền thống của Công ty có uy tín thương hiệu. kinh nghiệm thi công dày dặn. cơ sở vật chất. thiết bị sẵn có...

##### Chương trình phát triển các nguồn lực:

\* Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao bằng chính sách thu hút. đào tạo. phân phối và sử dụng hiệu quả.

\* Xây dựng cơ chế lãnh đạo điều hành hiện đại. nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

\* Tăng cường và mở rộng hợp tác với các đối tác có tiềm lực để tiếp cận các cơ hội kinh doanh tốt trên thị trường. Phát triển thương hiệu LICOGI 12 thành một thương hiệu mạnh.

Về định hướng phát triển lâu dài Công ty kiên trì mục tiêu giữ vững hoạt động SXKD tiến tới phát triển an toàn bền vững. bảo vệ lợi ích của cổ đông. các sản phẩm hoạt động sản xuất kinh doanh đảm bảo chất lượng công trình theo đúng các yêu cầu chủ đầu tư.

#### 5. Các rủi ro:

\* **Rủi do kinh tế:** Công ty cổ phần LICOGI12 hoạt động SXKD chủ yếu trên lĩnh vực xây dựng. việc phát triển SXKD phụ thuộc rất nhiều vào chính sách phát triển của Nhà nước về các dự án đầu tư công. chính sách thu hút các nhà đầu tư; các dự án đầu tư từ nước ngoài vào Việt Nam. các chính sách khuyến khích phát triển kinh tế...



nếu các chính sách trên không phát triển hoặc tạm thời bị ngừng lại. Công ty sẽ rất khó khăn trong công tác tìm kiếm thị trường việc làm.

\* **Rủi do Luật pháp:** Hoạt động trong lĩnh vực xây dựng nên Công ty chịu sự chi phối trực tiếp bởi hệ thống pháp luật liên quan như: Luật Xây dựng; Luật Kinh doanh. Luật Đầu tư; Luật Đấu thầu. Luật Thuế thu nhập cá nhân; Luật Lao động.. Luật Đất đai. Luật Bảo hiểm xã hội. Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp...

\* **Rủi do cạnh tranh:** Công ty cổ phần LICOGI12 là doanh nghiệp hoạt động với quy mô trung bình. nếu thị trường thiếu vốn. thiếu việc làm thì công việc phần lớn tập trung rơi vào những tập đoàn xây dựng lớn trường vốn. công nghệ đồng bộ. có uy tín. thương hiệu trên thương trường. trong trường hợp đó Công ty sẽ lại càng khó khăn trong công tác tìm kiếm thị trường việc làm.

## II. Tình hình hoạt động trong năm.

### II.1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

#### Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018:

Đơn vị tính: VNĐ

TT	Các chỉ tiêu	Thực hiện năm 2017	KH năm 2018	Thực hiện năm 2018	Tỷ lệ TH KH năm 2018 (%)	Tăng giảm so với năm 2017 (VNĐ)
1	Doanh thu Công ty CP LICOGI 12	229.125.615.336	263.891.000.000	332.652.880.271	126%	45%
2	Lợi nhuận trước thuế Công ty CP LICOGI 12	6.828.855.512	8.394.890.000	6.081.190.056	72%	-11%
3	Lợi nhuận sau thuế thu nhập Công ty CP LICOGI 12	5.609.553.910	6.715.912.000	4.366.900.069	65%	-23%

### II.2. Tổ chức và nhân sự

#### 1. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

\* Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2017-2022 gồm 5 thành viên.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Trình độ học vấn (Văn bằng cao nhất)	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (Tính trên vốn điều lệ)
1	Dương Xuân Quang	Chủ tịch HĐQT Công ty	Thạc sỹ quản trị kinh doanh	23.34%
2	Hoàng Minh Tuấn	Phó chủ tịch HĐQT Công ty	Thạc sỹ quản trị kinh doanh	5.14%
3	Dương Xuân Tứ	Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty	Kỹ sư xây dựng thủy lợi. thủy điện	7.75%

4	Phùng Văn Thanh	Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty	Kỹ sư kinh tế xây dựng	3.00%
5	Nguyễn Thị Chung	Ủy viên HĐQT Công ty	Cử nhân kinh tế chuyên ngành kế toán.	3.00%

**\* Hoạt động của Hội đồng quản trị:**

Năm 2018 HĐQT Công ty đã tập trung chỉ đạo thực hiện nhiều giải pháp nhằm làm tốt chức trách nhiệm vụ, đảm bảo lợi ích Công ty cụ thể:

+ Tích cực mở rộng hoạt động thị trường, tìm kiếm việc làm, đảm bảo duy trì hoạt động SXKD trong mọi hoàn cảnh.

+ Nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, tăng cường công tác quản lý nội bộ, thực hiện chặt chẽ chế độ khoán, định mức, đơn giá, tăng cường quản lý vật tư nhiệm liệu, cắt giảm chi phí.

+ Tích cực giải quyết các vấn đề tồn đọng trong những năm trước, đẩy mạnh công tác thu hồi vốn.

+ Kịp thời rà soát, điều chỉnh kế hoạch đầu tư, kế hoạch chi phí, kế hoạch thị trường phù hợp với điều kiện thực tế.

+ Những nỗ lực hoạt động của HĐQT đã giúp doanh nghiệp thích ứng với tình hình khó khăn của nền kinh tế, duy trì hoạt động SXKD, bảo toàn vốn, khai thác hiệu quả lực lượng thiết bị máy móc hiện có.

**2. Hoạt động của Ban Kiểm soát:**

**\*Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2017-2022 gồm 3 thành viên.**

STT	Họ và tên	Chức vụ	Trình độ học vấn (Văn bằng cao nhất)	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (Tính trên vốn điều lệ)
1	Ngô Hương Lan	Trưởng Ban kiểm soát Công ty	Cử nhân Tài chính kế toán	0.14%
2	Nguyễn Trọng Thoại	Ủy viên Ban Kiểm soát Công ty	Kỹ sư Xây dựng	0.71%
3	Đặng Thị Tâm	Ủy viên Ban Kiểm soát Công ty	Kỹ sư trắc địa; Cử nhân Kinh tế.	0.15%

**3. Hoạt động Ban Tổng Giám đốc Công ty:**

**Ban Tổng Giám đốc gồm 02 thành viên.**

1. Ông Dương Xuân Tứ - Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty
2. Ông Phùng Văn Thanh - Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty

- Ngày 21/05/2018, Ông Phùng Văn Thanh Ủy viên HĐQT được bổ nhiệm kiêm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần LICOGI12.

- Thay đổi người đại diện theo pháp luật Công ty:

+ Người đại diện theo pháp luật cũ : Ông Dương Xuân Tứ.

+ Người đại diện theo pháp luật mới:

- Ông Dương Xuân Quang.
- Ông Dương Xuân Tứ.

+ Thời gian hiệu lực: Kể từ ngày 06/11/2018.

#### 4. Kế toán trưởng Công ty.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Trình độ học vấn (Văn bằng cao nhất)	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (Tính trên vốn điều lệ Công ty)
1	Nguyễn Thị Chung	Kế toán trưởng Công ty	Cử nhân kinh tế chuyên ngành kế toán	3.00%

#### 5. Số lượng cán bộ, nhân viên, các thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

\* Tổng Số CBCNV tính đến ngày 31/12/2018: 115 người (trong đó số người tham gia BHXH thường xuyên là 98 người).

##### \* Các chính sách thay đổi trong năm:

- Công ty cổ phần LICOGI12 đã thực hiện đóng BHXH, BHYT, BHTN và các chế độ liên quan khác theo Nghị định số 141/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 07/12/2017.

#### II.3. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

##### 1. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần Công ty: 7.000.000.

- Số lượng cổ phần đang lưu hành: 6.738.871

- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật: Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được bãi bỏ sau thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 07/01/2005, do đó số lượng cổ phiếu của cổ đông sáng lập đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng.

##### 2. Cơ cấu cổ đông:

Bảng 1: Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày chốt danh sách cổ đông 12/04/2019).

Đơn vị: triệu VNĐ

STT	Cổ đông/Thành viên	Số lượng cổ phần/Vốn góp	Giá trị cổ phần/vốn góp	Tỷ lệ/ Vốn điều lệ (%)
1	Tổng Công ty Licogi - CTCP	596.700	5.967.000.000	8.52
2	Dương Xuân Quang	1.633.607	16.336.070.000	23.34
3	Dương Xuân Tứ	542.615	5.426.150.000	7.75

4	Hoàng Minh Tuấn	360.129	3.601.290.000	5.14
5	253 cổ đông khác	3.866.949	38.669.490.000	55.24
	<b>Tổng Cộng</b>	<b>7.000.000</b>	<b>70.000.000.000</b>	<b>100.00</b>

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị	Tỷ lệ (Tỷ lệ trên vốn điều lệ)
<b>I</b>	<b>Trong nước</b>	<b>256</b>	<b>6.738.871</b>	<b>67.388.710.000</b>	<b>96.27%</b>
1	Tổ chức	3	641.756	6.417.560.000	9.17%
2	Cá nhân	253	6.097.115	60.971.150.000	87.10%
<b>II</b>	<b>Nước ngoài</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III</b>	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>1</b>	<b>261.129</b>	<b>2.611.290.000</b>	<b>3.73%</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>257</b>	<b>7.000.000</b>	<b>70.000.000.000</b>	<b>100%</b>

**Bảng 2: Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần tại chốt danh sách cổ đông 12/04/2019).**

STT	Cổ đông	Số ĐKSH	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ (Tỷ lệ trên vốn điều lệ)
1	Tổng Công ty LICOGI-CTCP	0100106440	Nhà G1.Thanh Xuân Nam. Q. Thanh Xuân. TP Hà Nội	596.700	5.967.000.000	8.52%
2	Dương Xuân Quang	010062000001	Số 12, ngõ 94, phố Thái Hà. Trung Liệt. Đống Đa. Hà Nội	1.633.607	16.336.070.000	23.34%
3	Hoàng Minh Tuấn	012636307	P1301/262 Nguyễn Huy Tường. Hà Nội	360.129	3.601.290.000	5.14%
4	Dương Xuân Tứ	012774575	Số 14 tổ 36 Dịch Vọng. Cầu Giấy. Hà Nội	542.615	5.426.150.000	7.75%
5	CTCP Licogi 12 (cổ phiếu quỹ)	0100106433	Số 21 Đại Từ. P.Đại Kim. Q. Hoàng Mai. HN	261.129	2.611.290.000	3.73%
<b>Tổng cộng</b>				<b>3.394.180.000</b>	<b>33.941.800.000</b>	<b>48.49%</b>

3) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

4) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

**5) Các chứng khoán khác:**

Không

## **II.4. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty**

### **1. Tiêu thụ năng lượng:**

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.

- Tổng số điện tiêu thụ năm 2018 là: 52.225KW

Mục đích sử dụng: Trụ sở Văn phòng làm việc Công ty

- Điện tiêu thụ trên các CT thi công: Phụ thuộc quy mô công trình

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả.:

Công ty áp dụng triệt để các biện pháp tiết kiệm điện như: Chế độ sử dụng điều hòa; Tắt điện điều hòa trước khi kết thúc ngày làm việc 20 phút

### **3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)**

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

- Nguồn cung cấp nước: Công ty cổ phần VIWACO

- Lượng nước sử dụng năm 2018: 604m<sup>3</sup>.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: 100%-0%.

### **4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:**

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

### **5. Chính sách liên quan đến người lao động**

**a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.**

\* Tổng Số CBCNV tính đến ngày 31/12/2018: 115 người (trong đó số người tham gia BHXH thường xuyên là 98 người).

\* Mức lương trung bình đối với người lao động năm 2018: 8.100.000VNĐ/ người..

**b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.**

- CBCNV Công ty được mua thẻ bảo hiểm y tế.

- Lao động nữ sinh đẻ được hưởng chế độ thai sản, chế độ cho con bú..

- Công ty lập Quỹ phúc lợi để hỗ trợ cho người lao động có hoàn cảnh khó khăn, thực hiện chế độ hiếu, hỷ.

- Lao động nữ được tham quan du lịch các ngày 08/03 ngày 20/10.

**c) Hoạt động đào tạo người lao động**

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên:

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp:

## 6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng.

### III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc về hoạt động SXKD năm 2018:

#### 1. Đặc điểm tình hình.

Khó khăn: Năm 2018 là một năm tương đối khó khăn về thị trường việc làm đặc biệt là các ngành có thế mạnh và mang lại sản lượng lớn cho Công ty như xây dựng các CT về Thủy điện, Thủy lợi đã kết thúc, các công trình thi công cọc khoan nhồi thì đang bị cạnh tranh gay gắt do công việc không nhiều nhưng lại rất nhiều nhà thầu.

Thuận lợi: Bên cạnh khó khăn đó, chúng ta có thuận lợi là Nội lực kinh tế tài chính vững vàng do kiên trì, bền bỉ phấn đấu trong nhiều năm qua. Lực lượng CBCNV đoàn kết, chia sẻ khó khăn, lực lượng thiết bị máy móc và cơ sở vật chất vững mạnh, được khai thác hợp lý... Trong bối cảnh đó, công ty đã cố gắng duy trì và ổn định sản xuất thực hiện được cơ bản nhiệm vụ, kế hoạch năm 2018 do Đại hội đồng cổ đông đề ra.

#### 2. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018.

TT	Các chỉ tiêu	KH năm 2018 (VNĐ)	Thực hiện năm 2018 (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
I	<b>Công ty cổ phần LICOGI12</b>			
1	Doanh thu	263.891.000.000	332.652.880.271	126%
2	Lợi nhuận trước thuế	8.394.890.000	6.081.190.056	72%
3	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.715.912.000	4.366.900.069	65%
4	Cổ tức năm 2018	800VNĐ/01cổ phần	600VNĐ/01cổ phần	
5	Đầu tư	20,000,000,000	17,947,108,064	89%

#### 3. Đánh giá tình hình hoạt động SXKD năm 2018.

##### 3.1. Công tác thi công công trình

##### 3.1.1. Các công trình xử lý nền móng gồm:

TT	Tên công trình	Sản lượng (tỷ đồng)
1.	Cọc khoan nhồi, móng và tầng hầm dự án TTTM, KS & căn hộ cao cấp để bán Phoenix Tower Bắc Ninh	43,828
2.	Cọc khoan nhồi đại trà dự án khách sạn 5 sao Hilton Hải Phòng	7,936

3.	Tường dẫn và tường vây khách sạn Dân tộc - Đội Cấn	2,7
4.	Dự án Tổ hợp TTTM & căn hộ chung cư New melbourne	4,106
5.	Khoan cọc nhồi Dự án đường vành đai 3 đoạn Mai dịch – Nam Thăng long	24,027
6.	Cọc khoan nhồi thí nghiệm CT5A thuộc dự án chung cư cao tầng CT05A&CT06A tại Ecopark	0,911
7.	Cọc khoan nhồi Tổ hợp trung tâm thương mại, dịch vụ và căn hộ cao cấp DABACO	0,178
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>83,687</b>

Mặc dù nhiều công trình Nhà thầu chính và Chủ đầu tư đòi hỏi chất lượng, tiến độ nhanh và chặt. Nhưng do sẵn có nhiều máy móc thiết bị, cán bộ thi công bề dày kinh nghiệm nên Công ty vẫn duy trì được uy tín, chất lượng và cạnh tranh tốt trên thị trường và duy trì đều đặn công việc, thu hồi khấu hao để tái đầu tư, giải quyết công ăn việc làm ổn định cho CBCNV... Đóng góp quan trọng vào việc thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ SXKD của toàn Công ty. Ngoài ra đối với công trình cọc khoan nhồi dự án vành đai 3 do dự trù công việc thi công từ 3 cọc/ngày nhưng thực tế hiện nay chỉ thực hiện được 2 cọc/ngày dẫn đến tình trạng tiền nhân công tăng gấp đôi so với dự kiến. Công trình khách sạn hilton Hải phòng chúng ta chưa lường hết được khoan sâu vào đá 4m nên rất hao tổn về thời gian, máy móc thiết bị dẫn đến hiệu quả không cao.

### **3.1.2. Xây dựng dân dụng và công nghiệp.**

Năm 2018 Trong điều kiện việc làm trong lĩnh vực truyền thống khan hiếm Công ty đã mở rộng tham gia đấu thầu các công trình xây dựng, ký kết một số hợp đồng có giá trị tương đối lớn như: Công trình Trung tâm thương mại, khách sạn và căn hộ cao cấp để bán phoenix tower, Trung tâm dịch vụ thương mại văn hóa ẩm thực Kinh Bắc, Dự án cải tạo nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị y tế Bệnh viện Xây dựng... Các công trình được triển khai thi công đáp ứng các yêu cầu tiến độ, chất lượng, đóng góp không nhỏ vào doanh thu toàn Công ty. Ngoài ra các dự án về xây dựng dân dụng vẫn còn nhiều hạn chế trong công tác quản lý dẫn đến tỷ lệ hao hụt vật tư lớn, bộ máy chưa tinh gọn dẫn đến hiệu quả kinh tế chưa cao cụ thể:

**3. 1.2.1. Công trình “Trung tâm thương mại, khách sạn và căn hộ cao cấp để bán phoenix tower”:** Đây là công trình xây dựng nhà cao tầng, có kết cấu phức tạp đòi hỏi chất lượng cao, thi công tiến độ nhanh. Nhưng với quyết tâm chuyển đổi sang xây dựng dân dụng Công ty đã tập trung mọi nguồn lực con người, máy móc thiết bị thi công công trình đạt chất lượng, tiến độ được Chủ đầu tư đánh giá cao, đến nay đã hoàn thành xây dựng phần thô và đang tiến hành phần hoàn thiện. Giá trị sản lượng hết năm 2018 là 163,745/206,121 tỷ đạt 80%.

### **3. 1.2. Công trình “Trung tâm dịch vụ thương mại văn hóa ẩm thực Kinh Bắc”**

Đây là công trình không cao nhưng có mặt bằng thi công rất chật hẹp, chiều cao tầng lớn, dùng công nghệ cấp dự ứng lực và đặc biệt rất khó khăn trong việc thi công đó là Chủ đầu tư vừa làm vừa thiết kế dẫn đến thay đổi nhiều ảnh hưởng đến việc huy động nhân lực và vật tư thi công công trình. Đến hết năm 2018 công trình đã thi công đạt giá trị sản lượng 18,109/55,307 tỷ đạt 33%.

### 3.1.3. Công trình “Dự án cải tạo nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị y tế Bệnh viện xây dựng”

Đây là công trình có vốn ngân sách Nhà nước, có giá trị sản lượng không nhiều nhưng có đầy đủ các thành phần công việc từ thi công thô đến hoàn thiện bàn giao công trình vào sử dụng mặt khác do trong giai đoạn thiết kế, mời thầu, đấu thầu còn nhiều thiếu sót dẫn đến bước đầu trong công tác thi công, thanh toán còn gặp nhiều vướng mắc. Ngoài ra các cán bộ chưa thực sự quan tâm tìm hiểu và giải quyết tới hết vấn đề nên vẫn còn một số sai sót. Đến hết năm 2018 giá trị sản lượng đạt được 19,365/26,721 đạt 72%.

3.1.4 Công trình Nhà máy Bột-Giấy VNT19, Quảng Ngãi: Sang năm 2018 do nguồn vốn hạn hẹp của Chủ đầu tư, nên Công ty đã chủ động giảm tiến độ thi công với mục đích vừa thi công vừa làm công tác quyết toán các Hợp đồng mà Công ty đã thi công xong. Trong năm 2018 tổng giá trị sản lượng các hợp đồng đạt được 34,401 tỷ đồng.

### 3.2. Hoạt động SXKD của các công ty con, công ty liên kết

- Công ty cổ phần 12.1: Năm 2018 vẫn hoạt động chủ yếu trong nghề truyền thống là sản xuất bê tông thương phẩm, sản xuất gạch không nung phục vụ nhu cầu thị trường. Sang năm 2018 thị trường bê tông thương phẩm cạnh tranh rất quyết liệt, giá cả thấp nhưng đòi hỏi chất lượng rất cao nên trong năm 2018 giá trị sản lượng của Công ty cổ phần 12.1 chỉ đạt được sản lượng 217,511/400 tỷ đồng.

- Công ty cổ phần LICOGI 12.6: Trong điều kiện thị trường khó khăn hiện nay, mặc dù rất cố gắng nhưng Công ty cổ phần Licogi 12.6 chỉ đạt được sản lượng 16,9/23 tỷ đồng.

### 3.3. Công tác quản lý

#### 3.3.1. Công tác kinh tế kế hoạch:

- Công tác thị trường tìm kiếm việc làm: Năm 2018 Công ty đã rất tích cực trong việc tìm kiếm các thông tin, tham gia dự thầu khá nhiều các công trình và đã trúng thầu các công trình cụ thể như sau:

+ Thi công Phần thân và hoàn thiện dự án TTTM, KS & căn hộ cao cấp để bán Phoenix Tower Bắc Ninh giá trị hợp đồng 206,121 tỷ đồng;

+ Công trình Trung tâm dịch vụ thương mại văn hóa ẩm thực Kinh Bắc giá trị hợp đồng 55,307 tỷ đồng;

+ Công trình Cải tạo nâng cấp cơ sở vật chất của trường cao đẳng cơ giới xây dựng giá trị hợp đồng 12,069 tỷ đồng;

+ Cọc khoan nhồi dự án tổ hợp TTTM và căn hộ chung cư New Melbourne giá trị hợp đồng 4,106 tỷ;

+ Cọc khoan nhồi dự án tổ hợp TTTM, dịch vụ và căn hộ cao cấp DABACO giá trị hợp đồng 12,817 tỷ;

+ Cọc khoan nhồi dự án đường vành đai 3 đoạn Mai dịch Nam Thăng Long giá trị hợp đồng 46.68 tỷ;



+ Cọc khoan nhồi dự án Golden palace Mỹ Đình giá trị hợp đồng 19,664 tỷ đồng.

Trong giai đoạn đầu năm 2019 với số lượng con người và máy móc hiện tại Công ty vẫn đủ công ăn việc làm. Nhưng từ giữa năm 2019 trở đi khi công trình phoenix tower, tổ chức sự kiện, khoan nhồi vành đai 3, Mỹ Đình palace kết thúc nếu Công ty không tìm kiếm được công việc mới, Công ty có thể dẫn tới thiếu công ăn việc làm đặc biệt là các công trình về xây dựng dân dụng. Do vậy việc tìm kiếm công việc trong thời gian tới cũng là yêu cầu cấp thiết đối với ban lãnh đạo Công ty cũng như các cán bộ quản lý.

- Công tác quản lý, giao khoán, kế hoạch, chi phí: Trong thời gian qua Công ty rất chú trọng công tác quản lý chi phí cho các công trình. Mỗi công trình sau khi trúng thầu phòng KTKH đều lập chi phí chi tiết phê duyệt để các phòng ban kiểm soát và công trường thực hiện. Mặc dù vậy vẫn còn một số công tác vẫn sai sót làm giảm hiệu quả kinh tế như công tác đấu thầu, kiểm soát các chi phí không kiểm đếm được ở các công trường (Chi tiêu tiền mặt, công nhật).

- Công tác thanh quyết toán các công trình: Năm 2018 công tác thanh quyết toán luôn luôn được chú trọng, Lãnh đạo và các phòng ban chức năng Công ty đã phối hợp chặt chẽ với bộ phận công trường để việc nghiệm thu thanh, quyết toán được kịp thời và đạt kết quả tốt vượt kế hoạch đề ra (110%) Trên cơ sở đó, Công ty đã đẩy mạnh công tác thu hồi vốn, giải quyết tồn đọng, góp phần quan trọng để ổn định tình hình tài chính doanh nghiệp trong thời điểm khó khăn hiện nay.

Trong thời gian tới cần tập trung làm tốt hơn công tác thị trường, làm hồ sơ thầu và quản lý chặt chẽ kế hoạch, biện pháp thi công, quản lý giao khoán tốt hơn để đối phó với thị trường xây dựng ngày càng khốc liệt.

### *3.3.2. Công tác tài chính kế toán.*

Năm 2018 tình hình tài chính Công ty có những khó khăn do một số công trình lớn mà chúng ta đã và đang thi công bị Chủ đầu tư giữ lại như công trình nhà máy bột giấy VNT 19 (do chúng ta chưa quyết toán được). Công trình Phoenix tower một số khối lượng dở dang và một phần giá trị Chủ đầu tư giữ lại chờ quyết toán.

Công tác quản lý tài chính ổn định, nề nếp, thực hiện tốt quy chế tài chính Công ty và các quy định pháp luật về tài chính kế toán.

### *3.3.3. Công tác quản lý thi công.*

Đây là phòng mới được thành lập lại trên cơ sở tách bộ phận quản lý thi công từ phòng Kinh tế Kỹ thuật cũ và phòng Cơ giới Vật tư. Trong thời gian qua phòng đã cố gắng nắm bắt triển khai công tác quản lý thi công, quản lý thiết bị máy móc, vật tư và công tác an toàn trong toàn Công ty, xây dựng lại các Quy chế quản lý theo định hướng tập trung. Tuy nhiên công tác quản lý còn nhiều bất cập cần phải tiếp tục hoàn thiện trong thời gian tới.

### *3.3.4. Công tác tổ chức nhân sự - hành chính*

Năm 2018 là một năm có nhiều biến động về tổ chức nhân sự do điều kiện công việc thay đổi. Công ty đã sắp xếp lại tổ chức các phòng ban phù hợp với yêu cầu sản xuất kinh doanh, giải quyết việc làm, ổn định đời sống cho CBCNV.

### 3.4. Hoạt động đầu tư:

+ Góp vốn vào Công ty 12.1:	15,350,000,000 VNĐ
+ Mua máy móc thiết bị:	2,597,108,064 VNĐ

### 3.5. Tình hình tài chính:

#### a. Tình hình tài sản

Tổng tài sản năm 2018 tăng so với năm 2017 là 16%, nguyên nhân do giá trị sản lượng thực hiện năm 2018 tăng, chủ yếu ở hoạt động xây lắp.

Một số khoản phải thu khó có khả năng thu hồi Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi đầy đủ theo hướng dẫn thông tư Bộ tài chính. nhằm phản ánh chính xác hơn kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

#### b. Tình hình nợ phải trả:

- Tổng nợ phải trả năm 2018 tăng 23% so với năm 2017 do các khoản nợ phải trả khách hàng tăng, vay nợ ngắn hạn ngân hàng tăng

- Công ty chịu ảnh hưởng trực tiếp từ việc tăng giá điện, nước, xăng dầu... làm các nguồn nguyên nhiên liệu đầu vào tăng ảnh hưởng đến giá thành. Công ty vẫn sử dụng nguồn tiền vay ngân hàng như một kênh bổ sung vốn lưu động nên có chịu ảnh hưởng của chính sách lãi vay đến hoạt động kinh doanh.

### C. Tình hình tài chính:

#### C.1 Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng giảm %
Tổng giá trị tài sản	300.241.415.684	349.752.220.001	16%
Doanh thu thuần	229.125.615.336	332.652.880.271	45%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	3.026.901.014	5.869.347.337	93%
Lợi nhuận khác	3.801.954.498	211.842.719	-180%
Lợi nhuận trước thuế	6.828.855.212	6.081.190.056	-11%
Lợi nhuận sau thuế	5.609.553.910	4.366.900.069	-23%

#### b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	1.07	1.01	
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh	0.85	0.67	
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u>			
<u>Nợ ngắn hạn</u>			

<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.7	0.7	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0.3	0.3	
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	5.06	4.0	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0.76	0.95	
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
+Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	2.5%	1.83%	
+Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	6.1%	5.1%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	1.7%	1.25%	
+Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	1.3%	1.8%	

### 3.6. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

#### **Các giải pháp quản lý trong giai đoạn mới:**

\* Về thị trường: Tích cực mở rộng phạm vi tìm kiếm việc làm. Duy trì và phát triển các nghề truyền thống khi có điều kiện và thời cơ.

\* Củng cố lực lượng cán bộ quản lý kinh tế kỹ thuật và cơ giới vật tư đáp ứng yêu cầu, thực hiện tốt các chức năng nhiệm vụ của các phòng ban chức năng.

\* Đổi mới công tác kinh tế kế hoạch: Giao nhiệm vụ quản lý chi phí với những chỉ tiêu cụ thể và giá trị sản lượng, doanh thu, chi phí, lợi nhuận, khấu hao... tăng cường trách nhiệm với các đơn vị trực thuộc, các đơn vị nhận khoán và sử dụng các nguồn lực của công ty.

\* Củng cố hệ thống quản lý kỹ thuật thi công quản lý chặt tiến độ, khối lượng thi công và chất lượng công trình, tránh những sai sót, lãng phí vật tư, ca máy và các chi phí khác tại công trình thi công.

\* Củng cố hệ thống quản lý vật tư, nhiên liệu, thực hiện tốt quy chế quản lý xe máy và các quy định về quản lý vật tư, nhiên liệu, chống thất thoát lãng phí.

\* Tăng cường công tác thu hồi vốn, tập trung xử lý công nợ các công trình đã thi công xong, đã có hồ sơ quyết toán hoặc đang hoàn thiện hồ sơ quyết toán. Giảm chi phí tài chính bằng việc giảm dần dư nợ ngân hàng.

\* Điều chỉnh đơn giá tiền lương cho phù hợp với thị trường.

\* Công tác hành chính phải nâng cao chất lượng quản trị hành chính, khai thác tốt hệ thống cơ sở vật chất trang thiết bị hiện có phục vụ SXKD. Tiết giảm các chi phí hành chính có thể cắt giảm.

#### **Giải pháp thực hiện kế hoạch SXKD năm 2019.**

##### **1. Công tác kinh tế kế hoạch:**

\* Công tác thị trường tìm kiếm việc làm:

Đẩy mạnh hơn nữa công tác tiếp thị, xây dựng hình ảnh công ty cụ thể biên tập bộ hồ sơ năng lực phù hợp với từng lĩnh vực thị trường, nhấn mạnh những dự án quy mô lớn, kỹ thuật cao với các thông tin được cập nhật thường xuyên phù hợp với tình hình hoạt động thực tế của công ty, xây dựng, cập nhật thường xuyên hơn Website công ty.

Định hướng thị trường việc làm theo xu hướng phát triển chung của xã hội, mở rộng việc tìm kiếm việc làm ngoài nghề truyền thống của công ty, hướng tới các dự án lớn như các dự án BOT, BT trong lĩnh vực giao thông, xây dựng hạ tầng...

## 2. Công tác quản lý thi công:

Nhanh chóng hoàn thiện cơ chế quản lý, giao nhiệm vụ khoán chi phí và các biện pháp khoán để nâng cao hiệu quả sản xuất ở các công trình.

\* Công tác quản lý, giao khoán chi phí: Toàn bộ các công trình Sau khi trúng thầu phải được phòng Kinh tế kế hoạch lập dự trù kinh phí sớm và kịp thời. Việc tính toán quản lý giao khoán, kế hoạch chi phí cần được chi tiết, chặt chẽ hơn phù hợp với từng dự án, từng thời điểm, giám sát chặt chẽ, thường xuyên để có biện pháp điều chỉnh kịp thời..

\* Công tác thanh quyết toán, thu hồi công nợ: Theo dõi, đôn đốc, hỗ trợ bộ phận công trường triển khai thi công đáp ứng tiến độ, lập hồ sơ nghiệm thu thanh quyết toán khối lượng kịp thời, chủ động, tìm giải pháp giải quyết các công trình quyết toán tồn đọng kéo dài..

\* Công tác tài chính: Duy trì tốt các hoạt động quản lý đã đi vào nề nếp. Tập chung chuẩn bị nguồn tài chính đầu tư cho các công trình lớn công ty có thể tham gia trong thời gian tới.

\* Công tác nhân sự: Công tác nhân sự cần đặc biệt chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý trẻ, tạo ra bộ khung vững vàng, năng động để nhanh chóng phát triển lực lượng đủ mạnh, đảm đương các công trình lớn về giao thông, xây dựng trong thời gian tới...

## IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị (HDQT) về hoạt động của Công ty.

### 1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.

Năm 2018 qua đi với muôn vàn khó khăn và thách thức đối với hoạt động SXKD của Công ty nói riêng và thị trường xây dựng nói chung. Công ty cổ phần LICOGI12 đã trụ vững trước những khó khăn thử thách của thị trường xây dựng. Để có được sự vững vàng như vậy Hội đồng quản trị đã có những chỉ đạo, phương hướng hành động quyết liệt, kịp thời trong những lúc cần thiết của Công ty.

Tình hình tài chính doanh nghiệp ổn định, bảo toàn vốn, các khoản vay, trả rõ ràng, mạch lạc, các hệ số về khả năng thanh toán hiện hành, khả năng thanh toán nợ đến hạn đều tốt, đảm bảo các khoản nợ đến hạn được trả đúng hạn. Vòng quay vốn lưu động được kiểm soát chặt chẽ, đảm bảo hiệu suất sử dụng hợp lý, các thiết bị cơ bản hết khấu hao, trả nợ vốn đầu tư, các công trình gần như song các khâu quyết toán, nghiệm thu, không còn số liệu dờ dang.

Nhìn chung, năm 2018 tuy có nhiều khó khăn, doanh thu giảm nhưng do quản lý chặt chẽ, tài chính công ty vẫn ổn định, có lãi và có tích lũy, dự phòng tài chính, tạo điều kiện cho doanh nghiệp duy trì và phát triển trong những năm tiếp theo.

## 2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty.

Năm 2018 Ban điều hành Tổng Giám đốc Công ty đã có nhiều nỗ lực đáng kể trong việc ổn định SXKD. trong bối cảnh thị trường xây dựng luôn thiếu vốn và thiếu việc làm. Ban Tổng Giám đốc chỉ có hai thành viên (một phó Tổng Giám đốc mới được bổ nhiệm tháng 05/2018) song Ban Tổng Giám đốc đã có những kế hoạch cụ thể triển khai hiệu quả phương hướng nhiệm vụ mà HĐQT đã đặt ra với tinh thần trách nhiệm cao nhất. Ban Tổng Giám đốc đã phân công nhiệm vụ, trách nhiệm rõ ràng chỉ đạo kịp thời, đi sâu, đi sát hoạt động SXKD của Công ty.

Ban điều hành Tổng Giám đốc Công ty năm 2018 đã hoàn thành nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng quản trị Công ty giao phó, đã giữ ổn định được hoạt động SXKD, đảm bảo đời sống, duy trì đội ngũ CBCNV trong bối cảnh thị trường xây dựng luôn thiếu vốn và thiếu việc làm.

## 3. Kế hoạch SXKD và đầu tư; định hướng của HĐQT năm 2019.

Trong năm 2019 và các năm tới, HĐQT Công ty kiên quyết tập trung chỉ đạo các giải pháp nhằm làm tốt chức trách nhiệm vụ, đảm bảo lợi ích Công ty cụ thể:

+ Tích cực mở rộng hoạt động thị trường, tìm kiếm việc làm, đảm bảo duy trì hoạt động SXKD trong mọi hoàn cảnh.

+ Nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, tăng cường công tác quản lý nội bộ, thực hiện chặt chẽ chế độ khoán, định mức, đơn giá, tăng cường quản lý vật tư nhiệm liệu, cắt giảm chi phí.

+ Tích cực giải quyết các vấn đề tồn đọng trong những năm trước, đẩy mạnh công tác thu hồi vốn

+ Kịp thời rà soát, điều chỉnh kế hoạch đầu tư, kế hoạch chi phí, kế hoạch thị trường phù hợp với điều kiện thực tế.

+ Chỉ đạo doanh nghiệp thích ứng với tình hình khó khăn của nền kinh tế, duy trì hoạt động SXKD, bảo toàn vốn, khai thác hiệu quả lực lượng thiết bị máy móc hiện có.

Căn cứ tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2018, điều kiện thị trường và năng lực nội tại, Hội đồng quản trị công ty xin kính trình Đại hội Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2019 với những chỉ tiêu cụ thể sau:

### 3.1. Chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019.

#### 3.1.1. Chỉ tiêu Kế hoạch sản lượng và nghiệm thu thanh toán năm 2019

- Giá trị sản lượng thực hiện: **325.389.873 VNĐ.**
- Giá trị nghiệm thu, thanh toán: **308.273.775 VNĐ**

#### 3.1.2 Chỉ tiêu hoạt động SXKD năm 2019.

<i>Đơn vị: VNĐ</i>		
STT	CHỈ TIÊU	GIÁ TRỊ (VNĐ)
1	Doanh thu Công ty CP LICOGI12	300.543.609.091
2	Lợi nhuận kế toán trước thuế Công ty CP LICOGI12	6.560.663.164
3	Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN Công ty CP LICOGI12	5.248.530.531
4	Kế hoạch cổ tức năm 2019 của Công ty CP LICOGI12.	800 VNĐ/ cổ phần

### 3.1.3 Kế hoạch thực hiện các dự án đầu tư năm 2019.

Đơn vị: VND

STT	DANH MỤC ĐẦU TƯ	SỐ LƯỢNG	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ
1	Máy khoan cọc nhồi	02	18.000.000.000
2	Thiết bị khác		22.000.000.000
	<b>Tổng cộng</b>		<b>40.000.000.000</b>

### 3.1.4. Kế hoạch hạn mức tín dụng và hạn mức bảo lãnh năm 2019

Đơn vị: VND

STT	NGÂN HÀNG	HẠN MỨC TÍN DỤNG	HẠN MỨC BẢO LÃNH	TỔNG CỘNG
1	Ngân hàng TMCP Quân đội	50.000.000.000	50.000.000.000	100.000.000.000
2	Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Hà Nội	60.000.000.000	40.000.000.000	100.000.000.000
3	Ngân hàng No&PTNT Tây Hà Nội	48.000.000.000	2.000.000.000	50.000.000.000

(Kế hoạch SXKD và Đầu tư năm 2019 kèm theo).

**V. Báo cáo quyết toán tiền lương cho các chức danh thành viên Hội đồng quản trị (HDQT) chuyên trách, phụ cấp trách nhiệm cho các chức danh thành viên HDQT không chuyên trách; Tiền lương và phụ cấp trách nhiệm thành viên Ban kiểm soát (BKS), Thư ký Công ty năm 2018:**

Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 14 năm 2018 đã thông qua Tổng mức tiền lương cho các chức danh thành viên HDQT chuyên trách, phụ cấp trách nhiệm cho các chức danh thành viên HDQT không chuyên trách, Thư ký Công ty; Tổng mức tiền lương, phụ cấp trách nhiệm, chi phí hoạt động của BKS Công ty năm 2018: là 0.5% doanh thu năm 2018.

- Năm 2018 doanh thu của Công ty là: 332.652.880.271VNĐ
- Tổng mức được chi 0.5% theo doanh thu là: 1.663.264.401 VNĐ
- Số dư quỹ Hội đồng quản trị tại ngày 01/01/2018: 379.493.411VNĐ

#### **Chi phí thực hiện như sau:**

Tổng chi lương cho các chức danh thành viên HDQT chuyên trách, phụ cấp trách nhiệm cho các chức danh thành viên HDQT không chuyên trách, Thư ký Công ty; Tổng mức tiền lương, phụ cấp trách nhiệm, chi phí hoạt động của BKS Công ty năm 2018 là 800.000.000 VNĐ (Tám trăm triệu đồng).

Tỷ lệ thực hiện là:  $800.000.000/1.663.264.401 = 48,1\%$  tổng mức được chi.

**VI. Báo cáo quyết toán tiền lương, thu nhập Ban Tổng Giám đốc Công ty năm 2018: Tổng chi 833.000.000VNĐ**

**VII. Báo cáo tài chính**

1. *Ý kiến kiểm toán:* Ý kiến chấp nhận toàn phần

2. *Báo cáo tài chính được kiểm toán* (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ. Thuyết minh báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán)./. *na*

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ths: *Dương Xuân Quang*

Số: 264/2019/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**  
Về Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty cổ phần Licogi 12

**Kính gửi:** Đại hội đồng cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Licogi 12

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Licogi 12, được lập ngày 25 tháng 3 năm 2019, từ trang 05 đến trang 30, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



A handwritten signature in black ink, appearing to be "Nguyễn Ngọc Khánh".

**Phan Thanh Nam**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1009-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 02/2019/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2019 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**

**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens**

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2019

**Nguyễn Ngọc Khánh.**  
**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2999-2019-137-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>249.975.886.599</b>	<b>190.599.617.684</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>8.354.901.711</b>	<b>22.412.817.567</b>
1. Tiền	111		8.354.901.711	15.329.777.404
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	7.083.040.163
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>189.334.000</b>	<b>189.334.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	5.9	189.334.000	189.334.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>156.225.255.691</b>	<b>125.582.336.960</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	160.846.297.276	136.693.863.170
2. Trả trước cho người bán	132		7.985.341.255	1.297.042.140
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	8.857.759.654	9.055.574.144
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.4	(21.464.142.494)	(21.464.142.494)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.5</b>	<b>83.622.257.677</b>	<b>39.524.728.893</b>
1. Hàng tồn kho	141		83.622.257.677	39.524.728.893
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.584.137.520</b>	<b>2.890.400.264</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	906.521.601	1.057.472.907
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.7	677.615.919	1.832.927.357
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+250+260)	<b>200</b>		<b>99.776.333.402</b>	<b>109.641.798.000</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>16.254.527.913</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	5.2	-	16.045.971.095
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.3	-	208.556.818
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>68.610.313.402</b>	<b>75.769.981.820</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	68.610.313.402	75.769.981.820
- Nguyên giá	222		201.513.443.467	223.524.150.664
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(132.903.130.065)	(147.754.168.844)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	-	-
- Nguyên giá	228		138.685.576	138.685.576
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(138.685.576)	(138.685.576)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.10</b>	<b>31.166.020.000</b>	<b>15.816.020.000</b>
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		31.066.020.000	15.716.020.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		100.000.000	100.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>-</b>	<b>1.801.268.267</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	-	1.801.268.267
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>349.752.220.001</b>	<b>300.241.415.684</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

NGUỒN VỐN	MS	31/12/2018	01/01/2018
		VND	VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310+330)	<b>300</b>	<b>261.885.493.420</b>	<b>211.667.213.369</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>249.853.406.630</b>	<b>178.165.123.456</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311 5.11	102.947.351.333	34.292.255.125
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	10.033.609.413	23.632.970.540
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313 5.12	2.074.081.957	766.792.738
4. Phải trả người lao động	314	14.298.810.424	12.995.244.720
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315 5.13	577.871.451	6.449.247.530
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	195.758.181	172.567.416
9. Phải trả ngắn hạn khác	319 5.14	20.497.506.544	43.524.737.428
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320 5.15	97.947.235.563	55.926.179.398
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	1.281.181.764	405.128.561
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>	<b>12.032.086.790</b>	<b>33.502.089.913</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331 5.11	-	8.047.901.267
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332 5.0	2.231.893.000	2.231.893.000
7. Phải trả dài hạn khác	337 5.14	614.502.642	789.502.642
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338 5.15	9.185.691.148	22.432.793.004
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410+430)	<b>400</b>	<b>87.866.726.581</b>	<b>88.574.202.315</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410 5.16</b>	<b>87.866.726.581</b>	<b>88.574.202.315</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	70.000.000.000	70.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	70.000.000.000	70.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	4.380.364.000	4.380.364.000
5. Cổ phiếu quỹ	415	(2.611.290.000)	(2.611.290.000)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	11.190.569.586	11.190.569.586
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	535.178.097	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	4.371.904.898	5.614.558.729
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	5.004.829	5.004.819
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	4.366.900.069	5.609.553.910
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)</b>	<b>440</b>	<b>349.752.220.001</b>	<b>300.241.415.684</b>

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hoài Hiệp

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Chung

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2019

TỔNG GIÁM ĐỐC



Dương Xuân Tứ



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2018	Năm 2017
		VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	6.081.190.056	6.828.855.512
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	9.686.843.362	12.091.371.130
- Các khoản dự phòng	03	-	10.084.015.585
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.006.259.713)	(5.844.344.176)
- Chi phí lãi vay	06	6.686.897.179	7.249.633.557
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	21.448.670.884	30.409.531.608
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(14.169.573.925)	(22.549.758.971)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(44.097.528.784)	(6.738.320.575)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	20.579.339.661	13.486.300.427
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1.952.219.573	3.014.839.809
- Tiền lãi vay đã trả	14	(6.428.082.863)	(7.249.633.557)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.169.574.876)	(1.572.021.988)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(870.341.279)	(564.677.157)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(22.754.871.609)	8.236.259.596
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2.527.174.944)	(935.454.545)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	984.090.909	4.267.818.180
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(15.350.000.000)	(10.566.020.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	242.623.349	1.576.525.996
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(16.650.460.686)	(5.657.130.369)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	20.000.000.000
3. Tiền thu từ đi vay	33	214.887.185.293	128.458.281.829
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(186.113.230.984)	(134.633.253.060)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.426.537.870)	(2.485.297.781)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	25.347.416.439	11.339.730.988
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(14.057.915.856)	13.918.860.215
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	22.412.817.567	8.493.957.352
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60)	70	8.354.901.711	22.412.817.567

Người lập biểu

Nguyễn Thị Hoài Hiệp

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Chung

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2019



Đang Giám đốc

Dương Xuân Tứ

Hà Nội, ngày 12 tháng 4 năm 2019

## **BÁO CÁO KIỂM SOÁT NỘI BỘ NĂM 2018**

- Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát qui định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Licogi12.

- Căn cứ hoạt động kiểm tra, giám sát, Ban kiểm soát Công ty xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả kiểm soát nội bộ năm 2018 như sau:

### **I/ Hoạt động của Ban kiểm soát Công ty năm 2018:**

Ban kiểm soát Công ty cổ phần Licogi12 gồm 03 thành viên, mỗi thành viên chuyên trách những vấn đề phù hợp với kinh nghiệm chuyên môn đã thực hiện trách nhiệm của Ban kiểm soát theo Điều lệ Công ty, thực hiện công tác kiểm tra giám sát cùng với các phòng ban chức năng góp phần vào việc quản lý rủi ro và nâng cao chất lượng quản trị, cụ thể là:

- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các cuộc họp giao ban, họp kế hoạch của Ban lãnh đạo Công ty để nắm bắt được công tác điều hành hoạt động SXKD của Công ty.

- Kiểm soát tình hình thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 14 thông qua ngày 24/4/2018. Kiểm soát việc tuân thủ các qui định của pháp luật, Điều lệ Công ty trong các vấn đề liên quan đến tổ chức điều hành sản xuất, quản trị nhân sự, tài chính và các hoạt động khác, kiểm soát việc thực hiện các qui chế quản lý nội bộ Công ty

- Kiểm soát tính đúng đắn, hợp pháp, hợp lệ của các nghị quyết, quyết định của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành SXKD và đầu tư trong toàn Công ty.

- Thực hiện việc thẩm định báo cáo tài chính hàng quý, 6 tháng và cả năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của số liệu tài chính, xem xét việc tuân thủ chính sách tài chính, chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành của Công ty.

- Thực hiện các công tác theo chức năng, nhiệm vụ.

- Các cuộc họp BKS: Trong năm 2018 BKS đã tổ chức 03 cuộc họp vào ngày 02/5/2018, ngày 25/9/2018 và ngày 03/12/2018 để triển khai công tác của BKS, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch SXKD theo nghị quyết Đại hội cổ đông Công ty.

- Lương và thù lao của Ban kiểm soát được chi trả tuân thủ theo nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2018, tổng số lương, thù lao chi trả là: 214.500.000 đồng.

### **II/ Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị:**

Trong năm 2018, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Licogi12 đã triệu tập 06 phiên họp và 21 đợt lấy ý kiến, ban hành 27 Nghị quyết và Quyết định liên quan đến hoạt động của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của HĐQT. Hoạt động của HĐQT và nội dung của các nghị quyết này tuân thủ các nghị quyết của Đại hội cổ đông, Điều lệ của Công ty và các quy định khác của pháp luật.

HĐQT thực hiện giám sát Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện triển khai thực hiện Nghị quyết Đại Hội cổ đông năm 2018, kịp thời điều chỉnh các hoạt động SXKD của Công ty (KH đầu tư, KH chi phí, thị trường...) phù hợp với điều kiện thực tế.



Nâng cao năng lực quản trị, Tích cực mở rộng thị trường, tìm kiếm việc làm duy trì ổn định hoạt động SXKD của Công ty trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt và yêu cầu ngày càng cao của thị trường việc làm.

### III/ Kết quả giám sát đối với Ban Tổng Giám đốc Công ty:

Các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT được Ban Tổng Giám đốc Công ty triển khai thực hiện kịp thời, tuân thủ theo các qui định của pháp luật.

Năm 2018 Công ty gặp rất nhiều khó khăn về thị trường việc làm, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã tích cực, chủ động trong công tác đấu thầu, tìm kiếm công trình mới trong điều kiện cạnh tranh gay gắt trên thị trường. Chỉ đạo triển khai thi công, đảm bảo tiến độ, chất lượng và an toàn lao động tại các công trình. Chỉ đạo nâng cao năng lực quản lý, điều hành các công trình.

### IV/ Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính:

Ban Kiểm soát đã thường xuyên giám sát công tác kế toán tài chính, thẩm định báo cáo định kỳ, xem xét việc tuân thủ chính sách tài chính, chuẩn mực và chế độ kế toán của Công ty.

Qua thẩm định, Ban Kiểm soát đánh giá: Báo cáo tài chính Công ty năm 2018 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính Công ty và kết quả hoạt động SXKD năm 2018.

Công tác kế toán đã chấp hành đúng pháp luật kế toán hiện hành, việc ghi chép số liệu, sổ sách đầy đủ rõ ràng, số liệu chính xác, trung thực, không vi phạm nguyên tắc chế độ kế toán, chính sách quản lý của nhà nước.

Các chỉ tiêu tài chính được trình bày tại báo cáo của Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát kiểm tra, soát xét và chấp thuận các số liệu.

### V/ Đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2018:

1- Tình hình thực hiện các chỉ tiêu hoạt động SXKD năm 2018

DVT: Đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	Tỷ lệ (%)
1	Doanh thu	263.891.000.000	332.652.880.271	126%
2	Lợi nhuận trước thuế	8.394.890.000	6.081.190.056	72%
3	LN sau thuế TNDN	6.715.912.000	4.366.900.069	65%
4	Cổ tức năm 2018	800	600	
5	Đầu tư	20.000.000.000	17.947.108.064	89%

2- Phân phối lợi nhuận năm 2017 : Trích lập các quỹ và chi trả cổ tức đúng như Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 thông qua.

### VI/ Phối hợp hoạt động của BKS với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc

Ban kiểm soát đã phối hợp cùng với HĐQT, Ban TGD trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ kiểm tra, giám sát của mình.

Tham gia các cuộc họp của HĐQT, các cuộc họp kế hoạch, họp giao ban của Công ty. Ban Kiểm soát được cung cấp các thông tin về biên bản họp, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị liên quan đến công tác tài chính, quản lý điều hành hoạt động của Công ty.



## VII/ Kiến nghị

- Đề nghị HĐQT, Ban Tổng Giám đốc Công ty tích cực mở rộng thị trường, tìm kiếm việc làm duy trì ổn định SXKD của Công ty.
- Đề nghị HĐQT, Ban Tổng Giám đốc Công ty củng cố và nâng cao trình độ chuyên môn, trình độ quản lý của cán bộ kỹ thuật, cán bộ các phòng ban Công ty trong việc điều hành và tổ chức thi công tại các công trường đảm bảo tiến độ, chất lượng theo yêu cầu của CĐT, tiết kiệm chi phí nhằm nâng cao hiệu quả trong SXKD.
- Đề nghị HĐQT, Ban Tổng Giám đốc công ty chỉ đạo công tác thanh quyết toán, thu hồi công nợ các công trình đã thi công xong để nâng cao hiệu quả SXKD của Công ty.

## VIII/ Kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2019:

- Căn cứ chức năng nhiệm vụ qui định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Ban Kiểm soát tiếp tục duy trì thường xuyên các hoạt động kiểm tra, giám sát thông qua hệ thống quản trị và hoạt động trực tiếp của các thành viên BKS tại Công ty.
- Giám sát HĐQT và Ban TGD về việc chấp hành các qui định của pháp luật, Điều lệ của Công ty, tình hình thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ, việc thực hiện các nghị quyết của HĐQT.
- Thẩm định báo cáo tài chính năm 2019.

Trên đây là báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2018, kế hoạch hoạt động năm 2019 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

Kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp!



*Nguyễn Hoàng Sơn*



**BIÊN BẢN  
KIỂM TRA BÁO CÁO QUYẾT TOÁN NĂM 2018**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Licogi12.

*Hôm nay, ngày 25 tháng 3 năm 2019 tại Công ty Cổ phần LICOGI 12.*

Thành phần Ban kiểm tra gồm:

**1. Đại diện Ban kiểm soát:**

- Bà : Ngô Hương Lan - Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát  
Bà: Đặng Thị Tâm - Chức vụ: Thành viên Ban kiểm soát  
Ông: Nguyễn Trọng Thoại - Chức vụ: Thành viên Ban kiểm soát

**2. Đại diện Công ty Cổ phần LICOGI 12:**

- Ông: Dương Xuân Tứ - Chức vụ: Giám Đốc Công ty  
Bà: Nguyễn Thị Chung - Chức vụ: Kế toán trưởng Công ty

Sau khi xem xét, thẩm định kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý, hợp lệ của toàn bộ các chứng từ kế toán, ghi chép sổ kế toán, báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty, Ban kiểm soát đi đến thống nhất với các số liệu như sau:

TT	CHỈ TIÊU	Số báo cáo (VNĐ)	Số kiểm tra (VNĐ)	Ch/lệch (VNĐ)
I	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>249.975.886.599</b>	<b>249.975.886.599</b>	
1	<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>8.354.901.711</i>	<i>8.354.901.711</i>	
2	<i>Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<i>189.334.000</i>	<i>189.334.000</i>	
2.1	Chứng khoán kinh doanh	189.334.000	189.334.000	
3	<i>Hàng tồn kho</i>	<i>83.622.257.677</i>	<i>83.622.257.677</i>	
3.1	Hàng tồn kho	83.622.257.677	83.622.257.677	
4	<i>Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<i>156.225.255.691</i>	<i>156.225.255.691</i>	
4.1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	160.846.297.276	160.846.297.276	
4.2	Trả trước cho người bán	7.985.341.255	7.985.341.255	
4.3	Phải thu ngắn hạn khác	8.857.759.654	8.857.759.654	
4.4	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(21.464.142.494)	(21.464.142.494)	
5	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>1.584.137.520</b>	<b>1.584.137.520</b>	
5.1	Chi phí trả trước ngắn hạn	906.521.601	906.521.601	
5.2	Thuế và các khoản phải thu nhà nước	677.615.919	677.615.919	



<b>II</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>99.776.333.402</b>	<b>99.776.333.402</b>	
<b>1</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	-	-	
1.1	Phải thu dài hạn của khách hàng	-	-	
1.2	Phải thu dài hạn khác	-	-	
<b>2</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>68.610.313.402</b>	<b>68.610.313.402</b>	
2.1	<i>TSCĐ hữu hình</i>	68.610.313.402	68.610.313.402	
	Nguyên giá	201.513.443.467	201.513.443.467	
	Giá trị hao mòn lũy kế	(132.903.130.065)	(132.903.130.065)	
2.2	<i>TSCĐ vô hình</i>			
	Nguyên giá	138.685.576	138.685.576	
	Giá trị hao mòn lũy kế	(138.685.576)	(138.685.576)	
<b>3</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>31.166.020.000</b>	<b>31.166.020.000</b>	
3.1	Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết	31.066.020.000	31.066.020.000	
3.2	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	100.000.000	100.000.000	
<b>4</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	-	-	
4.1	Chi phí trả trước dài hạn	-	-	
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b><u>349.752.220.001</u></b>	<b><u>349.752.220.001</u></b>	
<b>III</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>			
	Số đầu năm	211.667.213.369	211.667.213.369	
	Số cuối kỳ	261.885.493.420	261.885.493.420	
<b>I</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>249.853.406.630</b>	<b>249.853.406.630</b>	
1.1	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn			
	Số đầu năm	55.926.179.398	55.926.179.398	
	Số cuối kỳ	97.947.235.563	97.947.235.563	
1.2	Phải trả người bán ngắn hạn			
	Số đầu năm	34.292.255.125	34.292.255.125	
	Số cuối kỳ	102.947.351.333	102.947.351.333	
1.3	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	10.033.609.413	10.033.609.413	
1.4	Thuế và các khoản phải nộp ngân sách			
	Số đầu năm	766.792.738	766.792.738	
	Số cuối kỳ	2.074.081.957	2.074.081.957	
1.5	Phải trả cho người lao động	14.298.810.424	14.298.810.424	
1.6	Chi phí phải trả ngắn hạn	577.871.451	577.871.451	
1.7	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	195.758.181	195.758.181	
1.8	Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.281.181.764	1.281.181.764	
1.9	Phải trả ngắn hạn khác			
	Số đầu năm	43.524.737.428	43.524.737.428	
	Số cuối kỳ	20.497.506.544	20.497.506.544	
<b>2</b>	<b>Nợ dài hạn</b>			

	Số đầu năm	33.502.089.913	33.502.089.913	
	Số cuối kỳ	12.032.086.790	12.032.086.790	
2.1	Phải trả người bán dài hạn	-	-	
2.2	Người mua trả tiền trước dài hạn	2.231.893.000	2.231.893.000	
2.3	Phải trả dài hạn khác	614.502.642	614.502.642	
2.4	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	9.185.691.148	9.185.691.148	
<b>IV</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>87.866.726.581</b>	<b>87.866.726.581</b>	
<b>1</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>87.866.726.581</b>	<b>87.866.726.581</b>	
1.1	Vốn góp của chủ sở hữu	70.000.000.000	70.000.000.000	
1.2	Quỹ đầu tư phát triển	11.190.569.586	11.190.569.586	
1.3	Cổ phiếu quỹ	(2.611.290.000)	(2.611.290.000)	
1.4	Thặng dư vốn cổ phần	4.380.364.000	4.380.364.000	
1.5	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	535.178.097	535.178.097	
1.6	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	4.371.904.898	4.371.904.898	
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>349.752.220.001</b>	<b>349.752.220.001</b>	
<b>V</b>	<b>KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH</b>			
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	<b>332.652.880.271</b>	<b>332.652.880.271</b>	
2	Các khoản phải giảm trừ doanh thu			
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	332.652.880.271	332.652.880.271	
4	Giá vốn hàng bán	310.359.810.230	310.359.810.230	
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.293.070.041	22.293.070.041	
6	Doanh thu từ hoạt động tài chính	242.623.349	242.623.349	
7	Chi phí tài chính	6.686.897.179	6.686.897.179	
	Trong đó trả lãi vay	6.686.897.179	6.686.897.179	
8	Chi phí bán hàng			
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	9.979.448.874	9.979.448.874	
10	Lợi nhuận thuần từ HĐSXKD	5.869.347.337	5.869.347.337	
11	Thu nhập khác	865.455.445	865.455.445	
12	Chi phí khác	653.612.726	653.612.726	
13	Lợi nhuận khác	211.842.719	211.842.719	
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.081.190.056	6.081.190.056	
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.714.289.987	1.714.289.987	
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.366.900.069	4.366.900.069	
<b>VI</b>	<b>Các khoản nộp ngân sách nhà nước</b>	<b>4.133.100.630</b>	<b>4.133.100.630</b>	
1	Thuế giá trị gia tăng	2.533.640.648	2.533.640.648	
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.169.574.876	1.169.574.876	
3	Thuế thu nhập cá nhân	241.696.409	241.696.409	

433-C  
 TY  
 AN  
 GI  
 T.PH

4	Thuế nhà đất, tiền thuê đất	183.258.488	183.258.488	
5	Các loại thuế khác	4.930.209	4.930.209	

**Kết luận :**

Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm tra số liệu báo cáo tài chính năm 2018 và các chứng từ kế toán, sổ kế toán, số liệu kiểm kê của năm 2018.

Qua thẩm định báo cáo tài chính của phòng tài chính kế toán năm 2018 Ban kiểm soát đánh giá như sau :

Công tác kế toán chấp hành đúng chế độ kế toán Việt Nam hiện hành, việc ghi chép, phản ánh các số liệu phát sinh đầy đủ, chính xác và kịp thời.

Báo cáo tài chính phù hợp với các chuẩn mực Kế toán Việt Nam.

Biên bản này được lập thành 04 bản có giá trị như nhau và được nhất trí thông qua cùng ngày.

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**ĐẠI DIỆN BAN KIỂM SOÁT**

**TRƯỞNG BAN**



TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY  
*Dương Xuân Tú*

KẾ TOÁN TRƯỞNG  
*Nguyễn Thị Chung*

*Nguyễn Hùng Cường*



**CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 12**



**LICOGI**

**KẾ HOẠCH SẢN XUẤT  
KINH DOANH**

**NĂM 2019**

**KẾ HOẠCH KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH CÔNG TY**  
**Năm 2019**

CHỈ TIÊU	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	332,652,880,271	300,543,609,091
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	332,652,880,271	300,543,609,091
4. Giá vốn hàng bán	310,359,810,230	275,297,945,927
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	22,293,070,041	25,245,663,164
6. Doanh thu hoạt động tài chính	242,623,349	250,000,000
7. Chi phí tài chính	6,686,897,179	8,485,000,000
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	-	-
8. Chi phí bán hàng	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	9,979,448,874	10,450,000,000
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))	5,627,745,337	6,560,663,164
11. Thu nhập khác	865,455,445	-
12. Chi phí khác	653,612,726	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	211,842,719	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	6,081,190,056	6,560,663,164
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	1,714,289,987	1,312,132,633
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	4,366,900,069	5,248,530,531
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6%	8%



TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY  
*Dương Xuân Tử*

**CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 12**

21 Đại Từ- Đại Kim- Hoàng Mai- Hà Nội

TEL: 04 3891534

**DANH MỤC ĐẦU TƯ MÁY MÓC THIẾT BỊ 2019**

*DVT: VNĐ*

STT	Tên dự án	Số lượng	Thành tiền	Nguồn vốn		Dự kiến năm khấu hao
				Vay	Tự có	
1	Máy khoan cọc nhồi	2	18,000,000,000	12,600,000,000	5,400,000,000	1,200,000,000
2	Thiết bị khác		22,000,000,000	15,400,000,000	6,600,000,000	1,466,666,667
	<b>Tổng cộng</b>		<b>40,000,000,000</b>	<b>28,000,000,000</b>	<b>12,000,000,000</b>	<b>2,666,666,667</b>

Hà Nội ngày tháng 01 năm 2019

**CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 12**



**TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY**  
*Dương Xuân Tú*

**KẾ HOẠCH CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH NĂM 2019**

*ĐVT: VNĐ*

STT	Nội dung	Dư nợ đầu kỳ	Dư nợ bình quân	Lãi vay phải trả
<b>1</b>	<b>Tính lãi vay vốn lưu động</b>	<b>97,680,756,247</b>		-
	Ngân hàng quân đội	9,593,444,610	9,500,000,000	760,000,000
	Ngân hàng đầu tư	40,710,947,973	35,000,000,000	2,800,000,000
	Ngân hàng No&PTNT	47,376,363,664	45,000,000,000	3,600,000,000
<b>2</b>	<b>Lãi vay trung hạn ngân hàng</b>			
	<i>Số dư nợ năm trước chuyển sang</i>			
	Ngân hàng quân đội	9,185,691,148		390,391,874
	<i>Vay đầu tư tăng trong năm</i>			
	Ngân hàng quân đội	12,600,000,000		535,500,000
	Ngân hàng đầu tư			-
	<b>Cộng</b>			-
	Trong đó:			-
	<i>Lãi vay tính vào chi phí</i>			8,085,891,874
	<i>Lãi vay tính vào TS</i>			
	<b>Làm tròn</b>			<b>8,485,000,000</b>



TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY  
*Dương Xuân Việt*



**KẾ HOẠCH CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP NĂM 2019**

STT	Nội dung	Kế hoạch năm 2019	
		Số tiền	Tỷ lệ
1	Chi phí nhân viên	7,750,000,000	74%
	a. Lương	7,150,000,000	
	b. BHXH, BHYT, KPCĐ	600,000,000	
2	Chi phí đồ dùng văn phòng	400,000,000	4%
3	Chi phí khấu hao TSCĐ	700,000,000	7%
4	Thuế và lệ phí (thuế môn bài)	100,000,000	1%
5	Chi phí dự phòng		0%
6	Chi phí dịch vụ mua ngoài	700,000,000	7%
	a. Điện, nước	400,000,000	
	b. Điện thoại, CPN, Internet	200,000,000	
	c. phí khác	100,000,000	
7	Chi phí bằng tiền khác	500,000,000	5%
	a. Công tác phí (sửa xe, xăng dầu, vé	300,000,000	
	b. Chi phí tiếp khách	200,000,000	
8	Chi phí khác	300,000,000	3%
	<b>Tổng CPQL</b>	<b>10,450,000,000</b>	
	<b>Doanh thu</b>	<b>300,543,609,091</b>	
	<b>CPQL/DT</b>		<b>3%</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 12**



**TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY**  
*Dương Xuân Liễu*

**CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 12**

21 Đại Từ- Đại Kim- Hoàng Mai- Hà Nội

TEL: 04 3891534

**KẾ HOẠCH HẠN MỨC TÍN DỤNG NĂM 2019**

ĐVT: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Số tiền	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Các chỉ tiêu thực hiện năm 2018</b>		
	Giá trị sản lượng thực hiện	325,884,785,000	
	Doanh thu	332,652,880,271	
	Bình quân vốn lưu động thực tế trong năm	89,241,614,776	
	Lãi vay phát sinh	6,686,897,179	
	Vòng quay vốn lưu động	1.40	
	Dư nợ vay ngắn hạn ngân hàng bình quân	63,744,010,555	
	Trong đó:		
	Ngân hàng đầu tư và phát triển Hà Nội	21,792,867,593	
	Ngân hàng thương mại cổ phần quân đội	13,400,217,440	
	Ngân hàng No&PTNT Tây Hà Nội	28,550,925,522	
<b>2</b>	<b>Kế hoạch năm 2019</b>		
	Giá trị sản lượng thực hiện	325,884,785,000	
	Khấu hao cơ bản cả năm	16,000,000,000	
	Thuế GTGT phải nộp cả năm	3,258,847,850	
	Lợi nhuận định mức	6,560,663,164	
	Nhu cầu vốn lưu động cần thiết	300,065,273,987	
	Vòng quay vốn lưu động bình quân	1.40	
	Vốn tự có, vốn chiếm dụng và vốn thanh toán	140,065,273,987	
	Dư nợ vay cần duy trì	160,000,000,000	
	Nhu cầu vốn vay ngân hàng:	160,000,000,000	
	Ngân hàng TMCP quân đội	50,000,000,000	
	Ngân hàng đầu tư và phát triển Hà Nội	60,000,000,000	
	Ngân hàng No&PTNT Tây Hà Nội	50,000,000,000	

Hà Nội ngày tháng 3 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 12



TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY  
*Dương Xuân Tiến*

## KẾ HOẠCH SẢN LƯỢNG VÀ NGHIỆM THU, THANH TOÁN NĂM 2019

Đơn vị tính: 1000 đồng

STT	Tên công trình	Tên đơn vị ký kết hợp đồng	Giá trị hợp đồng	Giá trị còn lại của Hợp đồng	Kế hoạch năm 2019	
					Sản lượng	Nghiệm thu, thanh toán
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<b>Tổng công</b>						
<b>Công ty cổ phần LICOGI 12 - Công ty mẹ</b>						
A	Giá trị SXXL (kể cả KL do A cấp vật tư)			165.389.873	526.289.473	509.173.375
I	Dự án: Nhà máy Bột - Giấy VNT19			165.389.873	325.389.873	308.273.775
1	Hạng mục phân móng M30, M47 công trình Nhà máy Bột - Giấy VNT19	Công ty CP Bột - Giấy VNT19	127.890.374	10.199.232	10.199.232	25.796.210
2	Hạng mục phân móng M41 công trình Nhà máy Bột - Giấy VNT19	Công ty CP Bột - Giấy VNT19	42.421.817	-	-	1.164.741
3	Kết cấu phân thân hạng mục khu 30 công trình Nhà máy Bột - Giấy VNT19	Công ty CP Bột - Giấy VNT19	16.830.696	-	-	1.345.830
4	Hạng mục phân móng K13 công trình Nhà máy Bột - Giấy VNT19	Công ty CP Bột - Giấy VNT19	19.403.682	-	-	1.636.315
II	<b>Xử lý nền móng các công trình</b>					
1	Cọc DT dự án khách sạn 5 sao Hilton Hải Phòng		49.234.180	10.199.232	10.199.232	21.649.324
2	Cọc khoan nhồi Dự án đường vành đai 3 đoạn Mai Dịch - Nam Thăng Long	Liên danh Taisei - Tokyu	108.037.741	56.189.929	131.189.929	99.160.546
3	Dự án tổ hợp TTTM và căn hộ chung cư New Melbourne	Công ty TNHH Hoàng Gia	23.425.589	-	-	3.076.499
4	Tổ hợp trung tâm thương mại, dịch vụ và căn hộ cao cấp DABACO	Công ty TNHH DV thương mại Bắc Ninh	46.680.838	22.653.705	22.653.705	22.653.706
5	Hỗn hợp cao tầng HH2-1 dự án Golden Placace A	Công ty cổ phần XD Conteccons	5.449.665	1.232.113	1.232.113	3.448.692
6	Các công trình khác		12.817.309	12.639.770	12.639.770	12.817.309
III	<b>Các công trình Xây dựng dân dụng</b>					
			300.219.375	99.000.712	184.000.712	183.317.019



STT	Tên công trình	Tên đơn vị ký kết hợp đồng	Giá trị hợp đồng	Giá trị còn lại của Hợp đồng	Kế hoạch năm 2019	
					Sản lượng	Nghiệm thu, thanh toán
1	Dự án cải tạo đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị y tế Bệnh viện Xây dựng	Bệnh viện Xây dựng	26.721.115	7.355.961	7.355.961	17.609.106
2	Thi công phần thân dự án THYTM, KS & căn hộ cao cấp để bán Phoenix Tower Bắc Ninh	Bông Sen Bắc Ninh	206.121.033	42.376.377	42.376.377	67.485.967
3	Thi công phần thân tòa nhà TIDVIM văn hóa âm thực Kinh Bắc	Sự kiện Kinh Bắc	55.307.000	37.198.147	37.198.147	46.065.765
4	Cải tạo nâng cấp cơ sở vật chất của Trường cao đẳng cơ giới Xây Dựng	Trường cao đẳng cơ giới Xây Dựng	12.070.226	12.070.226	12.070.226	9.656.181
5	Các công trình khác		-		85.000.000	42.500.000
B	Công ty cổ phần 12.1 - Sản xuất bê tông thương phẩm				180.899.600	180.899.600
C	Công ty cổ phần LICOGI 12.6 - Gia công cơ khí				20.000.000	20.000.000

TP KINH TẾ - KẾ HOẠCH

TỔNG GIÁM ĐỐC



*[Handwritten signature]*

TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY  
*Dương Xuân Lợi*



**CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI12**  
Mã số doanh nghiệp: 01 001 06433  
Địa chỉ: Số 21, Phố Đại Từ, Phường Đại Kim,  
Quận Hoàng Mai, TP Hà Nội.  
ĐT: 0243.8687781; FAX: 0243.8685014;  
Website: [www.licogi12.com](http://www.licogi12.com)  
Số: *ML*/TT-LICOGI12

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 4 tháng 4 năm 2019

## TỜ TRÌNH

V/v: *Phương án phân chia lợi nhuận năm 2018.*

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 15 năm 2019.**

- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty cổ phần LICOGI12.
- Căn cứ Báo cáo Tài chính năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần LICOGI12 kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm tài chính 2018 như sau:

+ Tổng lợi nhuận sau thuế phân phối		4.366.900.069 VND
+ Trích lập các quỹ		
	- <i>Quỹ HDQT</i>	323.577.469 VND
+ Lợi nhuận để phân phối cổ tức		4.043.322.600 VND
+ Vốn cổ phần hiện hành.		67.388.710.000 VND
+ Tổng số cổ phần hiện có đến ngày 12/04/2019 (không tính cổ phiếu quỹ)		6.738.871 cổ phần
+ Cổ tức		600 VND/cổ phần
+ Tỷ lệ chia cổ tức		6 % mệnh giá cổ phần

**Thời gian chi trả cổ tức: Trước tháng 11 năm 2019.**

**T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY**

**CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI12**

Mã số doanh nghiệp: 01 001 06433

Địa chỉ: Số 21, Phố Đại Từ, Phường Đại Kim,  
Quận Hoàng Mai, TP Hà Nội.

ĐT: 0243.8687781; FAX: 0243.8685014;

Website: [www.licogi12.com](http://www.licogi12.com)

Số: MB-TT/LICOGI12

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 4 tháng 4 năm 2019

## TỜ TRÌNH

*V/v: Thông qua quyết toán tiền lương cho các chức danh thành viên Hội đồng quản trị (HDQT) chuyên trách, phụ cấp trách nhiệm cho các chức danh thành viên HDQT không chuyên trách; Tiền lương và phụ cấp trách nhiệm thành viên Ban kiểm soát (BKS) Công ty năm 2018 và Dự trù tổng mức tiền lương cho các chức danh thành viên HDQT chuyên trách, phụ cấp trách nhiệm cho các chức danh thành viên HDQT không chuyên trách; Tiền lương và phụ cấp trách nhiệm thành viên BKS Công ty năm 2019*

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 15 năm 2019.**

- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty cổ phần LICOGI12.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần LICOGI12 trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo quyết toán tiền lương cho các chức danh thành viên HDQT chuyên trách, phụ cấp trách nhiệm cho các chức danh thành viên HDQT không chuyên trách; Tiền lương và phụ cấp trách nhiệm thành viên BKS Công ty năm 2018 và Dự trù tổng mức tiền lương cho các chức danh thành viên HDQT chuyên trách, phụ cấp trách nhiệm cho các chức danh thành viên HDQT không chuyên trách; Tiền lương và phụ cấp trách nhiệm thành viên BKS Công ty năm 2019:

**I. Báo cáo quyết toán tiền lương cho các chức danh thành viên HDQT chuyên trách, phụ cấp trách nhiệm cho các chức danh thành viên HDQT không chuyên trách; Tiền lương và phụ cấp trách nhiệm thành viên BKS Công ty năm 2018 cụ thể như sau.**

Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 14 năm 2018 đã thông qua Tổng mức tiền lương cho các chức danh thành viên HDQT chuyên trách, phụ cấp trách nhiệm cho các chức danh thành viên HDQT không chuyên trách, Thu ký Công ty; Tổng mức tiền lương, phụ cấp trách nhiệm, chi phí hoạt động của BKS Công ty năm 2018 là 0,5% doanh thu năm 2018 của Công ty cổ phần LICOGI12.



- Doanh thu năm 2018 của Công ty là: 332.652.880.271 VND
- Tổng mức thù lao được chi 0,5% theo doanh thu là: 1.663.264.401 VND
- Số dư quỹ Hội đồng quản trị tại ngày 01/01/2018: 535.178.097 VND

**Chi phí thực hiện như sau:**

**1. Tổng mức tiền lương cho các chức danh thành viên HĐQT chuyên trách, phụ cấp trách nhiệm cho các chức danh thành viên HĐQT không chuyên trách; Thụ ký Công ty năm 2018.**

TT	Danh mục	Tổng số (VND)
1	Tiền lương của Chủ tịch HĐQT chuyên trách Công ty	381.500.000
2	Phụ cấp trách nhiệm cho các chức danh thành viên HĐQT không chuyên trách; Thụ ký Công ty năm 2018	204.000.000
2.	Chi phí khác.	0
	<b>Tổng cộng chi</b>	<b>585.500.000</b>



**2. Tổng mức tiền lương, phụ cấp trách nhiệm, chi phí hoạt động của BKS Công ty năm 2018.**

TT	Danh mục	Tổng số (VND)
1	Tiền lương của Trưởng ban kiểm soát chuyên trách Công ty	166.500.000
2	Phụ cấp trách nhiệm thành viên BKS không chuyên trách Công ty .	48.000.000
3	Chi phí hoạt động của BKS Công ty .	0
	<b>Tổng cộng chi</b>	<b>214.500.000</b>

**Tổng mức chi (1+2): 800.000.000 VND (Tám trăm triệu đồng).**

**II. Dự trù tổng mức tiền lương cho các chức danh thành viên HĐQT chuyên trách, phụ cấp trách nhiệm cho các chức danh thành viên HĐQT không chuyên trách; Tiền lương và phụ cấp trách nhiệm thành viên BKS Công ty năm 2019.**

- Dự trù tổng mức tiền lương cho các chức danh thành viên HĐQT chuyên trách, phụ cấp trách nhiệm cho các chức danh thành viên HĐQT không chuyên trách; Tiền lương và phụ cấp trách nhiệm thành viên BKS Công ty năm 2019: là 0.5% doanh thu năm 2019; Thưởng Hội đồng quản trị nếu vượt kế hoạch lợi nhuận năm 2019 là: 5% lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2019.

**T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY** *Red*



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
Ths: *Dương Xuân Quang*





**CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI12**  
Mã số doanh nghiệp: 01 001 06433  
Địa chỉ: Số 21, Phố Đại Từ, Phường Đại Kim,  
Quận Hoàng Mai, TP Hà Nội.  
ĐT: 043.8687781; FAX: 043.8685014;  
Website: [www.licogi12.com](http://www.licogi12.com)  
Số: ~~MT~~ TT/LICOGI12

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 4 tháng 4 năm 2019

## TỜ TRÌNH

*V/v: Thông qua Quy chế hoạt động của Người đại diện theo Pháp Luật của Công ty cổ phần LICOGI12*

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 15 năm 2019  
Công ty cổ phần LICOGI12.**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty cổ phần LICOGI 12 ;
- Căn cứ Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp : 0100106433 (đăng ký lần đầu ngày 07/01/2005) được thay đổi lần thứ 10, ngày 06/11/2018.

Ngày 04/4/2019, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần LICOGI12 đã họp thông qua Bản Quy chế hoạt động của Người đại diện theo Pháp luật của Công ty cổ phần LICOGI12

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần LICOGI 12 xin trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung sau :

+ Thông qua toàn văn Bản Quy chế hoạt động của Người đại diện theo Pháp luật của Công ty cổ phần LICOGI12 gồm 3 trang, 6 điều.

*(Quy chế hoạt động của Người Đại diện theo Pháp luật Công ty cổ phần LICOGI12 kèm theo)*

**T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY.**



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
Ths: *Dương Xuân Quang*

**CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI12**

Mã số doanh nghiệp: 01 001 06433

Địa chỉ: Số 21, Phố Đại Từ, Phường Đại Kim,

Quận Hoàng Mai, TP Hà Nội.

ĐT: 0243.8687781; FAX: 0243.8685014;

Website: [www.licogi12.com](http://www.licogi12.com)

Số MS-TT/LICOGI12

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 4 tháng 4 năm 2019.

## TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua danh sách các Công ty Kiểm toán độc lập và ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị đó để tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 Công ty của Công ty cổ phần LICOGI12

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 15 năm 2019  
Công ty cổ phần LICOGI12.**

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần LICOGI12.

Để chọn đơn vị kiểm toán cho báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty. Ngày 4/04/2019. Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần LICOGI12 đã họp thống nhất lựa chọn danh sách một số Công ty kiểm toán độc lập đủ điều kiện kiểm toán cho báo cáo tài chính 2019 của Công ty như sau.

TT	TÊN CÁC CÔNG TY KIỂM TOÁN	GHI CHÚ
1	Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE)	Công ty VAE là đơn vị tham gia kiểm toán báo cáo tài chính từ năm 2005 đến năm 2008 của Công ty
2	Công ty TNHH Kiểm toán và định giá Thăng Long – T.D.K	
3	Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội	Là đơn vị kiểm toán BCTC của công ty năm 2016
4	Công ty TNHH kiểm toán An Việt	Là đơn vị kiểm toán BCTC của công ty năm 2015
5	Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam (CPA)	Công ty CPA là đơn vị tham gia kiểm toán báo cáo tài chính từ năm 2009 đến năm 2014, 2017 và năm 2018 của Công ty

Hội đồng quản trị Công ty đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua danh sách các Công ty Kiểm toán độc lập như trên và ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị đó để tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty cổ phần LICOGI12. Trường hợp các đơn vị Kiểm toán nêu trên không đủ điều kiện thực hiện dịch vụ kiểm toán theo quy định của Ủy ban chứng khoán, ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị phù hợp.

**T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY**



**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
Ths: Dương Xuân Quang